

Số: 1450 /LĐTBXH-KHTC  
V/v xử lý kinh phí thực hiện chính sách  
ưu đãi người có công cuối năm 2014.

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2015

Kính gửi: - Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh,  
thành phố trực thuộc Trung ương  
- Cục Người có công

Thực hiện Công văn số 5271/BTC-HCSN ngày 21/04/2015 của Bộ Tài chính về chuyển số dư kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng năm 2014 sang năm 2015, Bộ có ý kiến như sau:

1. Số dư dự toán kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng cuối năm 2014 của 22 Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và Cục Người có công được chuyển sang năm 2015 để tiếp tục sử dụng và quyết toán vào niên độ ngân sách 2015 theo chế độ quy định là 249.041.599.802đ (Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm).

2. Đối với số dư tạm ứng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng cuối năm 2014, được chuyển sang năm 2015 sử dụng và quyết toán theo chế độ quy định (không phải xét chuyển) theo quy định tại điểm a, khoản 5, mục I Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

3. Ngoài số kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng được chuyển sang năm 2015 sử dụng và quyết toán theo chế độ quy định nêu tại điểm 1, 2 của Công văn này, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát, nộp trả ngân sách Nhà nước số dư kinh phí tạm ứng đã hết nhiệm vụ chi và làm thủ tục hủy số dư dự toán kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công cuối năm 2014 tại Kho bạc Nhà nước theo quy định không được chuyển sang năm 2015.

4. Đối với số dư dự toán 141.000.000.000đ kinh phí thực hiện đề án xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin, Bộ Tài chính đã thực hiện điều chỉnh giảm dự toán chi đảm bảo xã hội năm 2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để điều chỉnh tăng dự toán chi đầu tư phát triển năm 2014 của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam để thực hiện đầu tư nâng cấp cơ sở giám định gen theo Nghị quyết số 856/NQ-UBTVQH13 ngày 23/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quyết định số 3347/QĐ-BTC ngày 26/12/2014 của Bộ Tài chính.

5. Đối với kinh phí thực hiện tổng rà soát việc thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng theo Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 27/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ đến cuối năm 2014 chưa sử dụng hết được

chuyển sang tiếp tục sử dụng và quyết toán vào niên độ ngân sách năm 2015 (nếu chưa kết thúc) theo Công văn số 10324/BTC-HCSN ngày 28/7/2014 của Bộ Tài chính.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thông báo để đơn vị biết, quản lý, sử dụng kinh phí và quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đơn vị phản ánh về Bộ (Vụ Kế hoạch – Tài chính) để hướng dẫn giải quyết. / *Châu*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

**TL. BỘ TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH**



*Phạm Quang Phụng*  
**Phạm Quang Phụng**

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

**PHỤ LỤC CHUYÊN SỐ DỰ DỰ TOÁN KINH PHÍ**  
**THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG NĂM 2014 SANG NĂM 2015**  
 (Kèm theo công văn số 149/ĐLĐTBXH-KHTC ngày 23/4/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Trong đó					Mã KBNN	Tên KBNN
			Kinh phí thực hiện công tác mộ nghĩa trang liệt sĩ	Kinh phí chi hỗ trợ hoạt động các cơ sở nuôi dưỡng điều dưỡng	Kinh phí trợ cấp hàng tháng, một lần, khác	Kinh phí chi quản lý kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi NCC	Kinh phí Đề án xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin theo Quyết định số 150		
	<b>Loại - Khoản: 520-527</b>	<b>249.041.599.802</b>	<b>14.839.161.067</b>	<b>1.684.021.100</b>	<b>84.490.782.635</b>	<b>1.155.785.000</b>	<b>146.871.850.000</b>		
<b>1</b>	<b>Bà Rịa - Vũng Tàu</b>	<b>935.000.000</b>	<b>935.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Khu di tích lịch sử Đền thờ E33 huyện Châu Đức	935.000.000	935.000.000					1715	KBNN Châu Đức
<b>2</b>	<b>Yên Bái</b>	<b>1.449.000.000</b>	<b>1.449.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Đền thờ liệt sĩ thị xã Nghĩa Lộ	1.449.000.000	1.449.000.000					2561	KBNN Yên Bái
<b>3</b>	<b>Bạc Liêu</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh	3.000.000.000	3.000.000.000					0911	KBNN Bạc Liêu
<b>4</b>	<b>Bình Định</b>	<b>5.465.600.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5.465.600.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Chi trợ cấp một lần Bà mẹ VNAH	5.465.600.000			5.465.600.000				KBNN các huyện
<b>5</b>	<b>Bình Dương</b>	<b>2.523.860.545</b>	<b>2.523.860.545</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
5.1	Nghĩa trang liệt sĩ huyện Bến Cát	2.250.000.000	2.250.000.000					1812	KBNN Bến Cát
5.2	Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh	273.860.545	273.860.545					1811	KBNN Bình Dương
<b>6</b>	<b>Đà Nẵng</b>	<b>227.668.750</b>	<b>227.668.750</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Nghĩa trang Hòa Vang	227.668.750	227.668.750					0162	KBNN Hòa Vang
<b>7</b>	<b>Khánh Hòa</b>	<b>515.691.000</b>	<b>13.292.000</b>	<b>1.899.000</b>	<b>500.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>0</b>		
7.1	Nghĩa trang liệt sĩ Hòn Dung	5.067.000	5.067.000						KBNN Khánh Hòa
7.2	Nghĩa trang liệt sĩ H. Khánh Sơn	3.191.000	3.191.000					2064	KBNN Khánh Hòa
7.3	Nghĩa trang liệt sĩ H. Khánh Vĩnh	5.034.000	5.034.000					2066	KBNN Khánh Hòa
7.4	Trung tâm điều dưỡng và chăm sóc NCC	1.899.000		1.899.000				2061	KBNN Khánh Hòa
7.5	Trợ cấp thờ cúng	500.000			500.000				KBNN các huyện
7.6	Kinh phí chi quản lý kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi NCC tại VP Sở	500.000.000				500.000.000		2061	KBNN Khánh Hòa
<b>8</b>	<b>Lâm Đồng</b>	<b>1.807.600.000</b>	<b>1.100.000.000</b>	<b>0</b>	<b>707.600.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
8.1	Chi trợ cấp một lần Bà mẹ VNAH	707.600.000			707.600.000				KBNN các huyện
8.2	Nghĩa trang liệt sĩ H. Đam Rông	1.100.000.000	1.100.000.000					2872	KBNN Đam Rông
<b>9</b>	<b>Quảng Bình</b>	<b>11.254.729.432</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>11.254.729.432</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
9.1	Chi trợ cấp một lần Bà mẹ VNAH	11.254.729.432			11.254.729.432				KBNN các huyện
<b>10</b>	<b>Hải Dương</b>	<b>1.474.852.100</b>	<b>0</b>	<b>1.474.852.100</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Hỗ trợ XD, sửa chữa TT Điều dưỡng NCC	1.474.852.100		1.474.852.100				0366	KBNN Chi Linh
<b>11</b>	<b>Bắc Giang</b>	<b>641.187.000</b>	<b>421.587.000</b>	<b>0</b>	<b>219.600.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
11.1	Chi trợ cấp một lần Bà mẹ VNAH	219.600.000			219.600.000				KBNN các huyện
11.2	Đền thờ liệt sĩ huyện Tân Yên	221.587.000	221.587.000					1161	KBNN Bắc Giang
11.3	Nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn Q. Tri	200.000.000	200.000.000					1161	KBNN Bắc Giang
<b>12</b>	<b>Bình Thuận</b>	<b>1.129.587.372</b>	<b>1.129.587.372</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Nâng cấp, sửa chữa mộ liệt sĩ tại nghĩa trang của tỉnh	1.129.587.372	1.129.587.372					1661	KBNN Bình Thuận
<b>13</b>	<b>Quảng Ngãi</b>	<b>8.296.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.296.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Chi trợ cấp một lần Bà mẹ VNAH	8.296.000.000			8.296.000.000				KBNN tỉnh, huyện
<b>14</b>	<b>Thái Nguyên</b>	<b>24.400.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>24.400.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Chi trợ cấp một lần Bà mẹ VNAH	24.400.000			24.400.000			2263	KBNN Phò Yên
<b>15</b>	<b>Thanh Hóa</b>	<b>15.354.847.832</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>15.354.847.832</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Chi trợ cấp một lần Bà mẹ VNAH	15.354.847.832			15.354.847.832			1361	KBNN Thanh Hóa
<b>16</b>	<b>Tiền Giang</b>	<b>28.378.400</b>	<b>28.378.400</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
16.1	Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Tiền Giang	7.535.400	7.535.400						
16.2	Nghĩa trang liệt sĩ H. Cái Bè	10.799.600	10.799.600						
16.3	Nghĩa trang liệt sĩ H. Cai Lậy	7.774.800	7.774.800						
16.4	Nghĩa trang liệt sĩ H. Chợ Gạo	2.268.600	2.268.600						
<b>17</b>	<b>Bắc Cạn</b>	<b>3.120.857.000</b>	<b>2.010.787.000</b>	<b>207.270.000</b>	<b>902.800.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Trong đó					Mã KBNN	Tên KBNN
			Kinh phí thực hiện công tác mệ nghĩa trang liệt sĩ	Kinh phí chi hỗ trợ hoạt động các cơ sở nuôi dưỡng điều dưỡng	Kinh phí trợ cấp hàng tháng, một lần, khác	Kinh phí chi quản lý kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi NCC	Kinh phí Đề án xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin theo Quyết định số 150		
17.1	Nghĩa trang liệt sĩ Phú Thông	2.010.787.000	2.010.787.000						
17.2	Kinh phí cải tạo CT TT Điều dưỡng NCC và Bảo trợ tỉnh Bắc Can	207.270.000		207.270.000				2311	KBNN Bắc Kan
17.3	Chi trợ cấp một lần Bà mẹ VNAH	902.800.000			902.800.000				
<b>18</b>	<b>Hà Tĩnh</b>	<b>2.602.785.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>602.785.000</b>	<b>0</b>		
18.1	Nghĩa trang liệt sĩ H.Cẩm Xuyên	2.000.000.000	2.000.000.000					1468	KBNN Cẩm Xuyên
18.2	Kinh phí thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin NCC	602.785.000				602.785.000			
<b>19</b>	<b>Phú Yên</b>	<b>4.318.800.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4.318.800.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Chi trợ cấp một lần Bà mẹ VNAH	4.318.800.000			4.318.800.000			2161	KBNN Phú Yên
<b>20</b>	<b>Đồng Nai</b>	<b>353.432.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>353.432.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Kinh phí giám định y khoa	353.432.000			353.432.000			1761	KBNN Đồng Nai
<b>21</b>	<b>Bến Tre</b>	<b>37.392.372.371</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>37.392.372.371</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Chi trả trợ cấp một lần Bà mẹ VNAH	37.392.372.371			37.392.372.371			0611	KBNN Bến Tre
<b>22</b>	<b>Thừa Thiên Huế</b>	<b>200.101.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>200.101.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Chi trợ cấp một lần	200.101.000			200.101.000			1611	KBNN T.T Huế
<b>23</b>	<b>Cục Người có công</b>	<b>146.924.850.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>53.000.000</b>	<b>146.871.850.000</b>		
23.1	Thực hiện Đề án theo QĐ 150/2013/QĐ-TTg	146.871.850.000					146.871.850.000		
23.2	Kinh phí giám sát nâng cấp phần mềm quản lý tài chính trợ cấp ưu đãi người có công	53.000.000				53.000.000		0012	KBNN Ba Đình

**PHỤ LỤC SƠ DƯ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG  
VỚI CÁCH MẠNG NĂM 2014 KHÔNG ĐƯỢC CHUYỂN SANG NĂM 2015**

(Kèm theo công văn số 1450 /LĐTBXH-KHTC ngày 23 / 4 /2015 của Bộ Lao động -  
Thương binh và Xã hội)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Trong đó	
			Kinh phí thực hiện công tác mộ nghĩa trang liệt sĩ	Kinh phí Đề án xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin theo Quyết định số 150
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.553.582.306</b>	<b>94.261.600</b>	<b>1.459.320.706</b>
<b>1</b>	<b>Đà Nẵng</b>	<b>54.511.000</b>	<b>54.511.000</b>	<b>0</b>
1.1	Nghĩa trang Quận Ngũ Hành	43.070.000	43.070.000	
1.2	Nghĩa trang liệt sĩ TP Đà	11.441.000	11.441.000	
<b>2</b>	<b>Hà Tĩnh</b>	<b>39.750.600</b>	<b>39.750.600</b>	<b>0</b>
	Nghĩa trang liệt sĩ H. Kỳ Anh	39.750.600	39.750.600	
<b>3</b>	<b>Cục Người có công</b>	<b>1.459.320.706</b>	<b>0</b>	<b>1.459.320.706</b>
	Thực hiện Đề án theo QĐ 150/2013/QĐ-TTg	1.459.320.706		1.459.320.706